

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN QT PHƯỚC AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN QT PHƯỚC AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QT PHUOC AN INVESTMENT DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: QT PHUOC AN INVESTMENT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109260528

3. Ngày thành lập: 09/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 25 An Thành, Tổ 31 cụm 5b, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983896969

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
5.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
6.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
7.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
9.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
10.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
11.	Phá dỡ	4311
12.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
13.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
14.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
15.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
16.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
17.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
18.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm vàng, bạc và kim loại quý khác và chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	4662
24.	Khai thác và thu gom than non (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0520
25.	Khai thác khí đốt tự nhiên (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0620
26.	Khai thác quặng sắt (Trừ quặng uranium và thorium)	0710
27.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
28.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0810
29.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
30.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
31.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
32.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
33.	Đúc sắt, thép	2431
34.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
35.	In ấn	1811
36.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829

37.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn; + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh; + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn)	3290
38.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
39.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
40.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
41.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
42.	Bán buôn thực phẩm	4632
43.	Bán buôn đồ uống	4633
44.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
45.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
46.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
49.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
50.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
51.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5012
52.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

55.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
56.	Quảng cáo	7310
57.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
58.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
59.	Điều hành tua du lịch	7912
60.	Đào tạo sơ cấp	8531
61.	Đào tạo trung cấp	8532
62.	Đào tạo cao đẳng	8533
63.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
64.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
65.	Hoạt động thể thao khác	9319
66.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
67.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
68.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
69.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
70.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
71.	Sản xuất điện Chi tiết: sản xuất điện mặt trời	3511(Chính)
72.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
73.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
74.	Tái chế phế liệu	3830
75.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

6. Vốn điều lệ: 25.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN THU TRANG	Số 10 Làng Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	16.250.000.000	65,000	024184000782	
2	NGUYỄN DANH TIẾN	Số 10 Làng Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	8.750.000.000	35,000	001070014179	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN DANH TIẾN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng thành viên*

Sinh ngày: *19/05/1970*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001070014179*

Ngày cấp: *01/12/2017*

Nơi cấp: *Cục QLHC cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 10 Làng Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 10 Làng Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội